BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Việt Nam học **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**34**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng(*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung năm I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất(*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			**2**						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		4
V. Đại cương chung			**20**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**16**						
14	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
15	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	30					1
16	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
17	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
18	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					3
19	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
20	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
5.2. Đại cương chung tự chọn			**4**						
21	GE4026P	Lịch sử văn minh thế giới	2	30					2
22	GE4068	Văn hóa học đại cương	2	30					2
23	GE4006	Đại cương dân tộc học	2	30					3
24	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					3
25	GE4049	Tiếng Việt thực hành	2	30					4
26	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					4
27	GE4028	Lôgic học đại cương	2	30					5
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**101**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**9**						
28	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30					1
29	VI4134	Tổng quan du lịch	2	30					1
30	GE4067	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á	3	40	5				2
31	GE4057	Văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long	2	30					6
II. Kiến thức cơ sở ngành			**12**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**6**						
32	VI4600	Kỹ năng mềm trong du lịch	2	20	10				1
34	VI4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30					2
33	VI4157	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	30					1
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			**6**						
35	VI4133	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	3	45					1
36	VI4212	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	3	35	10				2
37	CM4291	Lịch sử văn hóa Việt Nam	3	45					2
38	VI4136	Văn hoá các nước Đông Nam Á	3	45					3
39	VI4012N	Làng nghề truyền thống Việt Nam	3	45					3
III. Kiến thức chuyên ngành			**55**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**49**						
39	VI4131	Tâm lý khách du lịch	2	30					2

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
40	VI4116	Marketing du lịch	2	30					3
41	VI4128N	Nghiệp vụ lễ tân	3	30	30				3
42	VI4171	Nghiệp vụ nhà hàng	2	30					3
43	VI4700	Nghiệp vụ buồng	2	30					4
44	VI4214	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	3	45					4
45	VI4152N	Tuyến điểm du lịch	3	45					4
46	VI4601N	Thiết kế và điều hành tour du lịch	3	40	5				5
47	VI4018	Tổ chức sự kiện	2	30					5
48	VI4215	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	2	30					5
49	VI4140	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	30	30				5
50	VI4142N	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	45					5
51	VI4123	Pháp chế du lịch	2	30					6
52	VI4603	Quản trị nhà hàng	2	30					6
53	VI4602	Quản trị rủi ro trong du lịch	2	30					6
54	VI4216N	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 3	2	30					6
55	VI4604	Quản trị khách sạn	2	30					6
56	VI4605	Quản trị khu nghỉ dưỡng	2	30					6
57	VI4305	Hành vi tiêu dùng du lịch	2	30					7
58	VI4306	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	2	30					7
59	GE4281	Khởi nghiệp	3	45					7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**6**						
60	VI4213	Các loại hình du lịch hiện đại	2	26	4				3
61	VI4014	Du lịch sinh thái	2	30					4
62	VI4017N	Kinh tế du lịch	2	30					5
63	VI4166	Quy hoạch du lịch	2	30					6
64	VI4101	Du lịch quốc tế	2	26	4				7
IV. Khối kiến thức tập nghề nghiệp			**19**						
65	VI4177N	Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	3		60		VI4171		4
66	VI4176N	Thực hành nghiệp vụ khách sạn	3		60		VI4128N VI4700		5
67	VI4443N	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2		90		VI4140		6
68	VI4442	Thực tế chuyên môn	2		60				7
69	VI4491N	Thực tập cơ sở	3		180		VI4176 VI4177	VI4443	7
70	VI4498N	Thực tập tốt nghiệp	6		240				8
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
5.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
71	VI4297N	Khoá luận tốt nghiệp	6		270				8
5.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
72	VI4607	Quản lý di sản văn hoá với phát triển du lịch	2	30					8
73	VI4608	Quản trị điểm đến du lịch	2	30					8
74	VI4609	Quản trị chất lượng du lịch	2	30					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			99						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			22						